

TẠP CHÍ

ISSN: 1859 - 2317

Kinh Tế Sinh Thái

ECOLOGICAL ECONOMY JOURNAL



VIỆN KINH TẾ SINH THÁI

SỐ 54
2017

MỤC LỤC

1. HUYNH VĂN CHÔNG, TRẦN THỊ MINH CHÂU, TRẦN THỊ ANH TUYẾT, NGUYỄN NGỌC THỒNG. Ảnh hưởng của đô thị hóa đến tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định 3
2. NGUYỄN HỮU NGŨ, NGUYỄN THỊ NHẬT LINH, PHAN THỊ PHƯƠNG NHI, HOÀNG ĐỨC PHƯƠNG. Thực trạng quản lý và sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình 9
3. ĐẶNG THỊ HOÀ. Du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Ba Bể, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn 20
4. NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH, TRẦN THỊ MINH CHÂU, DƯƠNG THỊ THU HÀ, LÊ THỊ MINH NGA. Đánh giá chính sách quản lý và sử dụng đất dịch vụ - du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế 31
5. DƯƠNG VIỆT TÌNH, NGUYỄN HỮU HÒA NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH, TRẦN THỊ MINH CHÂU. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai 37
6. CHU HÀ. Không gian xanh Hà Nội 45
7. NGUYỄN HỮU NGŨ, TRƯƠNG ĐO MINH PHƯƠNG, NGUYỄN THỊ NHẬT LINH, NGUYỄN THỊ HOÀI. Đánh giá công tác quản lý sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo tại tỉnh Quảng Bình 49
8. NGUYỄN THỊ NHẬT LINH, TRƯƠNG ĐO MINH PHƯƠNG, NGUYỄN HỮU NGŨ, NGUYỄN THỊ QUỲNH AN. Đánh giá thực trạng khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai 58
9. HUYNH VĂN CHÔNG, VŨ THẠNH UY, TRẦN THỊ MINH CHÂU. Ảnh hưởng của đô thị hóa đến việc sử dụng đất và phân bố dân cư trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai 67
10. VIỆN KINH TẾ SINH THÁI. Sản xuất sợi to sen 73

OF ECOLOGICAL ECONOMY

JOURNAL

THE 22th YEAR
No. 54 - 2017

Editor-in-Chief

Prof. Dr Ha Chu Chu

Tel: 043.7711103

Secretary

HOANG ANH

Editor

Lan Anh

Editorial board

Prof. Dr. HA CHU CHU

As. Prof. D.Sc. NGUYEN DUY CHUYEN

As. Prof. Dr. TRAN LUU VAN HIEN

Prof. Dr. TON THAT CHIEU

Prof. D.Sc. DANG HUY HUYNH

Prof. Dr. HA KY

Address

67A Dao Tan St - Ba Dinh

- Hanoi - Vietnam

Tel: 043.7711103

Fax: 043.7711102

E-mail: ecoco@hn.vnn.vn

Publishing Permission No.

433/GP-BVHTT issued by Ministry of

Culture and Information

on 29th August, 2001. Printed at

Agriculture Publishing House

Cover photos: By the banks of the La river -

Ha Tinh province

1. HUYNH VAN CHUONG, TRAN THI MINH CHAU, TRAN THI ANH TUYET, NGUYEN NGOC THONG. Impacting of the urbanization to land and using land management in phu my district, binh dinh province 8
2. NGUYEN HUU NGU, NGUYEN THI NHAT LINH, PHAN THI PHUONG NHI, HOANG DUC PHUONG. Current management and land use of which land have origin from state farms in Quang Binh province 19
3. DANG THI HOA. Ecological tourism at National Park Ba Be, Ba Be district, Bac Kan province 30
4. NGUYEN HOANG KHANH LINH, TRAN THI MINH CHAU, LE THI MINH NGA, LE THI MINH NGOC. Assessment the land use management policy for service and tourism in in Thua Thien - Hue province 37
5. DUONG VIET TINH, NGUYEN HUU HOA, NGUYEN HOANG KHANH LINH, TRAN THI MINH CHAU. Assessment the result of land use planning resident in Long Thanh district, Dong Nai province 44
6. CHU HA. Green spaces of Hanoi 48
7. NGUYEN HUU NGU, TRUONG DO MINH PHUONG, NGUYEN THI NHAT LINH, NGUYEN THI HOAI. Assessing the land use management and grant of land use rights certification for religious institutions in Quang Binh province 57
8. NGUYEN THI NHAT LINH, TRUONG DO MINH PHUONG, NGUYEN HUU NGU, NGUYEN THAI QUYNH AN. Assessing situation of financial resource exploiting from land in Vinh Cuu district, Dong Nai province 66
9. HUYNH VAN CHUONG, VU THANH UY, TRAN THI MINH CHAU. Impacting of the urbanization to using land and local people life in Long Thanh district, Dong Nai province 72
10. Production of fibers from lotus 80

CONTENT

DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA BA BÈ, HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

Đặng Thị Hoa¹

¹ Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Du lịch sinh thái là một trong những loại hình du lịch tương đối mới mẻ ở Việt Nam. Đây là loại hình du lịch chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương. Vườn quốc gia (VQG) Ba Bè được xếp hạng là một trong 20 thắng cảnh đẹp nhất Việt Nam, có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. VQG Ba Bè nằm cách xa các khu trung tâm kinh tế, hành chính, văn hóa của cả nước, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên khó thu hút khách du lịch cũng như sự quan tâm của các nhà đầu tư trong thời gian trước. Gần đây, điều kiện vật chất, giao thông đi lại đã được cải thiện nên VQG Ba Bè đã bắt đầu thu hút được sự chú ý của các nhà đầu tư, khách du lịch và các nhà khoa học. Bài viết này nhằm cung cấp những đánh giá về tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại VQG Ba Bè trên những khía cạnh về tài nguyên thiên nhiên (thảm thực vật, động vật), đánh giá của khách du lịch về chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái, kết quả kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái của VQG Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Từ khóa: Du lịch, sinh thái, VQG Ba Bè.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, VQG Ba Bè là điểm đến hấp dẫn cho hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái. VQG Ba Bè là nơi có khí hậu mát mẻ, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng với nhiều loài động, thực vật quý hiếm, hệ thống giao thông thuận lợi. Năm 1986, VQG Ba Bè đã được công nhận là di tích danh thắng quốc gia. Từ đó đến nay VQG Ba Bè liên tục được công nhận các danh hiệu: Vườn di sản ASEAN năm 2003, khu RAMSA thứ 3 của Việt Nam năm 2011 (đất ngập nước cần được bảo vệ có tầm quan trọng quốc tế), Di tích quốc gia đặc biệt năm 2012.

Trong những năm gần đây, VQG Ba Bè càng ngày càng thu hút được nhiều khách đến tham quan và có tiềm năng du lịch rất lớn. Mặc dù đã được Đảng, nhà nước, các ngành, các cấp hết sức quan tâm và đã có những chủ trương, chế độ, chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển du lịch tại Bắc Kạn nhưng tốc độ phát triển chưa đáp ứng được nhu cầu của xã

hội. Vì vậy việc tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch sinh thái tại VQG Ba Bè có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng ở VQG Ba Bè, đồng thời cũng là cần thiết cho sự phát triển chung của VQG Ba Bè tỉnh Bắc Kạn.

2. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của VQG Ba Bè.
- Thực trạng phát triển du lịch sinh thái của VQG Ba Bè.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các số liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo đã được công bố qua sách, báo, tạp chí, website, các báo cáo tổng kết có liên quan. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn

ngẫu nhiên 110 khách du lịch (khách trong nước và khách quốc tế). Thống kê kinh tế (mô tả, so sánh) là phương pháp được sử dụng trong bài viết này nhằm diễn giải, phân tích, chứng minh, biện luận tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái của VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của VQG Ba Bể

3.1.1. Hiện trạng rừng và đất rừng

Theo báo cáo của Hạt kiểm lâm trực thuộc VQG Ba Bể năm 2016 thì VQG Ba Bể có tổng diện tích là 10.048ha (năm 1992 chỉ có 7.610ha). Căn cứ vào phạm vi ranh giới đóng mốc ngoài thực địa, ranh giới các phân khu

chức năng do Ban quản lý VQG Ba Bể cung cấp, kết quả kiểm kê rừng huyện Ba Bể, Chợ Đồn của Viện Điều tra Quy hoạch rừng năm 2011 và kết quả phúc tra hiện trạng của rừng Đông Bắc bộ tháng 7 năm 2012, diện tích tính lại của các phân khu chức năng như sau: Bảo vệ nghiêm ngặt 4.488,3ha, phục hồi sinh thái 5.519,7ha, hành chính - dịch vụ 40,0ha (bảng 2.1). Qua kết quả kiểm kê và rà soát lại thì diện tích các phân khu chức năng của Vườn có sai khác so với diện tích quy hoạch được phê duyệt theo Dự án rà soát và đầu tư xây dựng VQG Ba Bể giai đoạn 2005 - 2010. Nguyên nhân là do khi tính toán diện tích sử dụng bản đồ hệ tọa độ khác nhau (Bản đồ năm 2004 hệ UTM tỷ lệ 1/25.000, múi chiếu 6 độ, bản đồ hiện tại hệ VN2000 tỷ lệ 1/10.000, múi chiếu 3 độ) dẫn đến sai lệch do phép chiếu.

Bảng 1. Hiện trạng rừng và đất rừng của VQG Ba Bể năm 2016

DVT: ha

TT	Cơ cấu đất	Cộng	Phân khu chức năng		
			Bảo vệ nghiêm ngặt	Phục hồi sinh thái	Hành chính, dịch vụ
	Diện tích tự nhiên	10.048,0	4.488,3	5.519,7	40,0
I	Đất lâm nghiệp	9.026,0	3.862,3	5.140,1	23,6
<i>1</i>	<i>Đất có rừng</i>	<i>7.724,8</i>	<i>3.347,3</i>	<i>4.361,3</i>	<i>16,2</i>
<i>A</i>	<i>Rừng tự nhiên</i>	<i>7.696,7</i>	<i>3.344,7</i>	<i>4.335,8</i>	<i>16,2</i>
	Rừng giàu	2.247,5	1.648,9	585,4	13,2
	Rừng trung bình	2.522,4	952,6	1.569,8	-
	Rừng nghèo	97,8	16,8	79,8	1,2
	Rừng phục hồi	526,0	54,3	471,7	-
	Rừng hỗn giao	61,5	-	61,5	-
	Rừng tre nứa	55,3	2,3	53,0	-
	Rừng trên núi đá	2.186,2	669,8	1.514,6	1,8
<i>B</i>	<i>Rừng trồng</i>	<i>28,1</i>	<i>2,6</i>	<i>25,5</i>	<i>-</i>
	Có trữ lượng	6,9	2,6	4,3	-
	Chưa có trữ lượng	0,7	-	0,7	-
	Tre nứa	15,4	-	15,4	-
	Đặc sản	5,1	-	5,1	-
<i>2</i>	<i>Đất chưa có rừng</i>	<i>1.301,2</i>	<i>515,0</i>	<i>778,8</i>	<i>7,4</i>
	Trạng thái IA, IB	60,3	-	60,3	-
	Trạng thái IC	332,1	34,6	295,7	1,8
	Nương rẫy không cố định	725,7	458,7	261,4	5,6
	Núi đá trọc	183,1	21,7	161,4	-
II	Đất ngoài lâm nghiệp	1.022,0	626,0	379,6	16,4

Nguồn: Hạt kiểm lâm, 2016.

Diện tích đất có rừng của VQG là 7.724,8ha, chủ yếu là rừng tự nhiên (99,6% đất có rừng) độ che phủ rừng đạt 74,4%. Chất lượng rừng còn khá tốt (rừng tự nhiên trung bình trở lên chiếm trên 60% đất có rừng, rừng trên núi đá chiếm 26,3% đất có rừng, còn lại là rừng hỗn giao, rừng tre nứa, rừng phục hồi, rừng nghèo chiếm 8,4% đất có rừng). Diện tích rừng trồng là 28,1ha, chiếm 0,4% đất có rừng, chủ yếu là cây bản địa: Lát hoa, Quế, Trúc... trồng trong phân khu phục hồi sinh thái. Do đặc thù VQG có dân cư sinh sống trong vùng lõi nên một số hộ gia đình đã trồng

rừng trên đất nương rẫy thoái hóa trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (bảng 1).

Diện tích chưa có rừng, trong VQG là 1.301,2ha, chiếm 13,1% tổng diện tích VQG. Đất ngoài lâm nghiệp là 1.022,0ha gồm: 520,2ha đất sản xuất nông nghiệp, 501,8ha đất phi nông nghiệp (bảng 1).

3.1.2. Hiện trạng thảm thực vật rừng

Thảm thực vật rừng của VQG Ba Bể được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Phân bố diện tích thảm thực vật rừng VQG Ba Bể năm 2016

TT	Thảm thực vật	Diện tích (ha)
1	Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới trên núi đá vôi	1.963,3
2	Rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp (>700mét)	897,2
3	Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp (<700 mét)	4.471,6
4	Kiểu phụ rừng hỗn giao tre nứa - cây lá rộng	56,2
5	Kiểu phụ rừng tre nứa	55,8
6	Kiểu phụ thứ sinh rừng trồng	28,9
7	Thảm tươi, cây bụi	1.320,0

Nguồn: Hạt kiểm lâm, 2016.

Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp, thường phân bố ở các độ cao dưới 700m, diện tích là 4.471,6ha, loài ưu thế gồm: Đinh, Lát, Sấu, Hu, Trám, Sồi...

Rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp, thường phân bố ở độ cao trên 700m, diện tích là 897,2ha, cấu trúc 2 tầng, loài ưu thế gồm các cây họ Dẻ, Re, Mộc Lan như: Cà ổi, Giổi, Bời lời, Màng tang, Sồi... không rụng lá vào mùa đông nhưng vỏ cây thường sù sì, có nhiều địa y.

Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới trên núi đá vôi có diện tích là 1.963,3ha, phân bố rộng khắp VQG (đặc biệt là ở quanh hồ Ba Bể) có cấu trúc 2 tầng, loài ưu thế gồm: Nghiến, Đinh, Lát Hoa, Dẻ...

Ngoài ra còn một số kiểu phụ: Rừng hỗn giao tre nứa - lá cây rộng, kiểu phụ rừng tre nứa, kiểu phụ thứ sinh rừng trồng.

Thảm tươi, cây bụi, cây gỗ rải rác và chủ yếu là cây gỗ tạp như: Thôi ba, Thôi Chanh, Hồng Bì Rừng, Cò ke, Tỏ kén..., tổng diện tích là 1.320,0ha.

3.1.3. Hệ thực vật, động vật và phân bố của các loài quý hiếm

3.1.3.1. Tài nguyên thực vật rừng

Theo điều tra ban đầu, khu hệ thực vật VQG Ba Bể có từ 4 yếu tố: Thực vật bản địa Bắc Việt Nam - Nam Trung Hoa, thực vật di cư Ấn Độ - Miến Điện. Thực vật quý hiếm và thực vật đặc hữu của vùng. VQG Ba Bể có 26 loài quý hiếm thuộc 24 chi, 20 họ, trong đó có

16 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam 2007 ở cấp EN (nguy cấp) có 6 loài, cấp VU (cấp sẽ bị nguy cấp) có 10 loài. Theo danh lục đỏ của IUCN 2009 có 9 loài được ghi, gồm cấp EN (nguy cấp) có 3 loài, cấp VU (sắp nguy cấp) có 2 loài, cấp NT (sắp bị đe dọa) có 1 loài cấp LC (ít được biết đến) có 3 loài. Có 11 loài

thuộc Nghị định 32 CP/2006, trong đó nhóm IA có 1 loài, còn lại 10 loài thuộc nhóm IIA. Ngoài ra trên địa bàn VQG Ba Bể có 1 loại đặc hữu là Trúc dây (*Ampelocalamus* sp). Loài này thuộc Họ cỏ (Poaceae), lớp 1 lá mầm (Liliopsida), thường mọc trên các vách đá quanh Hồ và dọc sông Năng (bảng 3).

Bảng 3. Các loài thực vật bậc cao quý hiếm tại VQG Ba Bể năm 2016

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ VN 2017	IUCN 2009	Nghị định 32/CP
1	<i>Asarum glabrum</i> Merr.	Hoa tiên			IIA
2	<i>Markhamia stipulate</i> (Wall.) Seem. Ex Shum	Đình	VU		IIA
3	<i>Canarium tramdendum</i> Dai. & Yakof	Trám đen	VU		
4	<i>Caesalpinia sappan</i> L.	Tô mộc		LC	
5	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv	Lim xanh		EN	IIA
6	<i>Garcinia fagraeoides</i>	Trai lý			IIA
7	<i>Cycas balansae</i> Warb.	Son tuế	VU	NT	IIA
8	<i>Tetrameles ndiflora</i> R. Br.	Thung		LC	
9	<i>Parashorea chinensis</i> H.wang.	Chò chi		EN	
10	<i>Castanopsis tesslata</i> Hick. & A. Cmus	Cà ổi	VU		
11	<i>Annamocarya sinensis</i> (Dode) J.Leroy	Chò đái	EN	EN	
12	<i>Michelia balansae</i> (DC). Dandy	Giôi ăn hạt	VU		
13	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	Lát hoa	VU	LC	
14	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi			IIA
15	<i>Stephania sinica</i> Diels.	Bình vôi tán ngắn			IIA
16	<i>Fibraurca tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng			IIA
17	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard.	Lá khô	VU		
18	<i>Meliantha suavis</i> Pierre.	Rau sắng	VU		
19	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Kim tuyến tơ	EN		IA
20	<i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe.	Hoàng thảo đốm đỏ	VU		
21	<i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe.	Hoàng thảo đốm đỏ	VU		
22	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl	Thạch học			IIA
23	<i>Drynaria fortune</i> (Kuntze ex Mett.) J.Smith.	Cốt toái bồ	EN		
24	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J.Lam	Sến mật	EN	VU	
25	<i>Burretiodendron hsiennmu</i> Chiang. & How.	Nghiến	EN	VU	IIA
26	<i>Peris polyphylla</i> Smith.	Bảy lá một hoa	EN		
27	<i>Ampelocalamus</i> sp.	Trúc dây			

Nguồn: Hạt kiểm lâm, 2016.

3.1.3.2. Tài nguyên động vật rừng

VQG Ba Bể có khu hệ động vật hoang dã rất phong phú với nhiều loài quý hiếm. Tính đến năm 2016, VQG Ba Bể có 316 loài động vật có xương sống trên cạn (40 loài thú, 233

loài chim, 27 bò sát và 16 loài lưỡng cư). Hồ Ba Bể cũng là nơi ghi nhận số lượng loài cá rất phong phú. Theo nhiều nghiên cứu có khoảng 107 loài, thuộc 5 bộ, 18 họ (theo hồ sơ đăng ký di sản thiên nhiên thế giới của VQG Ba Bể năm 2006).

Bảng 4. Thống kê các lớp động vật VQG Ba Bể năm 2016

Lớp động vật	Số bộ	Số họ	Số loài
Thú	7	21	40
Chim	14	37	233
Bò sát	3	11	27
Ếch nhái	1	5	16
Cá	5	18	107
Tổng	30	92	423

Nguồn: Hạt kiểm lâm, 2016.

Trong tổng số các loài đã thống kê được, có 41 loài được ghi vào Sách Đỏ Việt Nam 2007, đó là những loài cần được bảo vệ nghiêm ngặt như: Voọc đen má trắng, Cây văn Bắc, Rắn Hồ mang chúa...

3.1.3.3. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch

Năm 2016, trung tâm Du lịch sinh thái của VQG Ba Bể có 21 cán bộ công nhân viên làm việc trong các bộ phận: Lễ tân, hướng dẫn, nhà nghỉ, nhà ăn, căng tin và quản lý bến xuồng, trong đó, trình độ đại học là 06 người, trung cấp là 07 người, sơ cấp về nghiệp vụ du lịch có 08 người. Ngoài ra, trung tâm có nhà khách (17 phòng loại 1, 24 phòng loại 2 và 14 phòng loại 3) phục vụ khách du lịch. Ngoài nhà khách VQG, khách du lịch còn có thể lưu trú ở một số bản dân tộc thiểu số, một số nhà nghỉ ở thị trấn Chợ Rã.

Hiện nay đã có 1 tuyến xe khách từ Thái Nguyên lên thẳng trung tâm Vườn và 2 chuyến xe từ thị xã Bắc Kạn lên Quảng Khê. Đường tỉnh lộ 258 từ Phủ Thông đến bến thuyền và đường tỉnh lộ 254 từ bờ Bắc hồ Ba Bể đến thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn đang được sửa chữa, nâng cấp. Đường thông từ khu du lịch Ba Bể - Nà Pặc đến Na Hang - Tuyên Quang đang được làm nên đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động du lịch của Vườn. Khu

du lịch VQG Ba Bể có một đội thuyền (88 chiếc), trong đó bao gồm cả thuyền chạy bằng máy và thuyền nan chèo bằng tay. Ngoài ra, còn nhiều thuyền gỗ (thuyền độc mộc). Phần lớn các thuyền nan và thuyền độc mộc là phương tiện đi lại của người dân quanh hồ, nhưng nếu du khách có nhu cầu đi du lịch bằng loại thuyền này thì họ vẫn có thể cho thuê (nếu khách du lịch tự chèo) hoặc chõr thuê. Khách du lịch là người nước ngoài, đi theo nhóm nhỏ và thời gian lưu trú lâu hơn nên họ rất thích được đi du lịch bằng thuyền chèo tay.

Hoạt động thể thao của du khách chủ yếu là các hoạt động dựa vào thiên nhiên như đi bộ xuyên rừng, leo núi thăm các hang động, thác nước và các bản làng. Bên cạnh đó trong VQG đã phát triển một số loại hình thể thao giải trí như bể bơi, sân tennis, cầu lông, bóng chuyền... để phục vụ nhu cầu của khách.

3.2. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở VQG Ba Bể

3.2.1. Tình hình khách du lịch

VQG Ba Bể hàng năm đã đón hàng ngàn du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng... được thống kê ở bảng 5.

Bảng 5. Số lượng khách du lịch đến tham quan VQG Ba Bể

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015			Năm 2016			Tốc độ PTBQ (%)
		Số lượt (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượt (người)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ PTLH (%)	Số lượt (người)	Tỷ trọng (%)	Tốc độ PTLH (%)	
1	Nội địa	28.481	82,89	39.422	87,60	138,42	44.867	89,47	113,81	125,51
2	Quốc tế	5.880	17,11	5.578	12,40	94,86	5.283	10,53	94,71	94,78
	Tổng	34.361	100	45.000	100	130,86	50.150	100	111,44	120,76

Nguồn: Trung tâm GDMT&DVMTR, 2014-2016.

Bảng 5 cho thấy đa phần khách du lịch là trong nước (trên 82%). Số lượng khách du lịch nội địa đến vườn năm 2015 là 39.422 người (tăng 10.941 người so với năm 2014, tỷ lệ 38,42%), năm 2016 là 44.867 (tăng 5.445 người so với năm 2015, tương đương với 13,81%), nên đã làm cho tốc độ tăng bình quân khách nội địa trong 3 năm là 25,51%. Theo số liệu của Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ Môi trường Rừng của VQG Ba Bể thì giá vé vào cổng của người lớn là 25.000 đồng/người/lượt (trong đó 20.000 đồng là phí thăm quan, 5.000 là phí bảo hiểm; giá vé vào cổng của trẻ em dưới 16 tuổi là 15.000 đồng/người/lượt (trong đó 10.000 đồng là phí thăm quan, 5.000 là phí bảo hiểm). Với mức giá này, khách du lịch nội địa cho là thấp nên đã thu hút được nhiều du khách đến thăm quan, học tập và nghiên cứu khoa học.

Số lượng khách du lịch quốc tế năm 2015 là 5.578 người (giảm so với năm 2014 là 302 người, giảm tương đương với 5,14%), năm 2016 là 5.283 người (giảm 295 người so với năm 2015, tương đương giảm 5,29%) (bảng 5). Số lượng khách quốc tế giảm là do việc cung cấp thông tin của Vườn còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm lực. Trang Web giới thiệu về VQG Ba Bể mới chỉ dừng lại ở việc viết về VQG Ba Bể mà không có sự cập nhật thường xuyên thông tin.

Kết quả điều tra 110 khách du lịch cho thấy khách du lịch đến VQG Ba Bể với mục đích chủ yếu là nghỉ ngơi, giải trí (70%), số người đến tham quan, tìm hiểu tài nguyên thiên nhiên chỉ chiếm 7%, khách du lịch kết hợp với công tác chiếm 8% và các hoạt động khác chiếm 15%.

Hầu hết khách du lịch đi theo tour (khách quốc tế đi theo tour nhiều hơn khách nội địa), kết hợp với thăm quan các nơi khác. Kết quả điều tra 110 khách du lịch cho thấy: khách đi bằng phương tiện công cộng chiếm 21%, khách đi bằng xe máy chiếm 12% (chủ yếu là khách trong tỉnh và có độ tuổi dưới 30), còn lại 67% là khách đi theo tour.

3.2.2. Kết quả kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái của VQG Ba Bể

Du lịch VQG Ba Bể đã đạt được mức tăng trưởng khá, từng bước khai thác có hiệu quả tiềm năng của Vườn. Cơ cấu doanh thu và kết quả kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái của VQG Ba Bể được tổng hợp ở bảng 6 và 7.

Bảng 6 cho thấy doanh thu từ dịch vụ phòng nghỉ chiếm tỷ trọng cao nhất (trên 60% giai đoạn 2014-2015). Doanh thu từ hoạt động du lịch của VQG Ba Bể giai đoạn 2014 đến 2016 có xu hướng giảm với tốc độ giảm bình quân là 2,03%, trong đó giảm mạnh nhất là doanh thu từ dịch vụ phòng

nghi năm 2016. Nguyên nhân là do nhiều du khách đi du lịch trong ngày và VQG đang trong quá trình tu sửa, nâng cấp lại cơ sở hạ tầng và phát triển thêm các loại hình du lịch (bắt đầu từ năm 2015) nên khách du lịch đến thăm quan, nghỉ dưỡng, lưu trú, sử dụng dịch vụ phòng nghỉ ít hơn.

Chi phí phục vụ hoạt động dịch vụ du lịch chủ yếu là cho việc tổ chức bán vé, dịch vụ phòng nghỉ, vận tải hành khách, hướng dẫn du lịch, ăn uống, liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng, trông giữ xe bến bãi... Trong giai đoạn 2014-2016 chi phí có xu hướng giảm với tốc độ giảm bình quân là 3,02%. Tuy nhiên chi phí cho việc bán vé lại có xu hướng tăng bình quân là 48,6% (bảng 7).

Bảng 7 cho thấy doanh thu trong giai đoạn 2014-2016 có xu hướng giảm, nhưng nộp ngân sách từ hoạt động này lại tăng với tốc độ tăng bình quân là 9,32% nên đã làm cho lợi nhuận giảm. Nguyên nhân là do từ năm 2015 trở về trước VQG Ba Bể tự tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái. Năm 2016 Vườn đã hợp tác phát triển du lịch với Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (trong đó VQG Ba Bể hợp tác trực tiếp với Công ty cổ phần Sài Gòn - Ba Bể) trong lĩnh vực du lịch sinh thái tại khu trung tâm hành chính, dịch vụ văn phòng VQG Ba Bể theo hình thức góp vốn cổ phần bằng giá trị tài sản trên đất là 19,53715 tỷ đồng. Do vậy, năm 2016 hoạt động dịch vụ du lịch có lợi nhuận âm (âm 11.715.000 đồng). Với hình thức liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần mới đi vào hoạt động nên công tác đầu tư xây dựng cải tạo cơ sở hạ tầng lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Vườn.

Dịch vụ du lịch sinh thái của VQG Ba Bể do Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ Môi trường Rừng trực thuộc VQG Ba Bể quản lý. Đây là đơn vị tự chủ nhưng cũng được

ngân sách cấp bổ sung một phần kinh phí 316 triệu đồng/năm trong giai đoạn 2016 - 2018.

3.2.3. Hoạt động đưa đón và hướng dẫn khách thăm quan

Các dịch vụ mà VQG Ba Bể đã thực hiện:

+ Dịch vụ bán vé vào thăm vườn, đi thuyền: Những năm gần đây, lượng khách tới thăm vườn có xu hướng tăng dần, khách tới thăm vườn, cắm trại, thực tập, nghiên cứu, đi thuyền...

+ Tổ chức hướng dẫn du khách tới thăm quan, trong vườn: Ban dịch vụ du lịch của vườn phân công cán bộ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn khách tới thăm quan vườn, giới thiệu cho du khách hiểu biết thêm những giá trị về tài nguyên thiên nhiên, thắng cảnh, văn hóa du lịch, không gian yên tĩnh với bầu không khí trong lành rất tốt cho sức khỏe con người.

+ Tổ chức các dịch vụ ăn uống, bán hàng lưu niệm cho khách, kết hợp hướng dẫn cho các đại biểu đến thăm quan vườn.

3.2.4. Đánh giá của khách du lịch về dịch vụ du lịch của VQG Ba Bể

3.2.4.1. Đánh giá mức độ hài lòng của du khách về VQG Ba Bể

Bảng 8 cho thấy có đến 80% số khách được phỏng vấn cảm thấy hài lòng và tương đối hài lòng, trong đó du khách hài lòng nhất với phong cảnh của Vườn (80%). Nguyên nhân là do khi khách du lịch đi ngắm cảnh bằng thuyền thì họ đã cảm nhận được vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên. Ở trên thuyền du khách có thể thưởng thức không khí mát lành, ngắm cảnh trời xanh non nước, thăm quan thác và các hang động... Số khách cảm thấy không hài lòng chiếm tỷ lệ rất nhỏ (5%), trong đó du khách không hài lòng nhất ở dịch vụ lưu trú và ăn uống (30%).

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu từ hoạt động du lịch của VQG Ba Bể

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		So sánh (%)		
	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ trọng (%)	2015/2014	2016/2105	BQ
1. Phí tham quan	683.110	27,95	899.000	28,90	1.000.500	42,65	131,60	111,29	121,02
2. Dịch vụ phòng nghỉ	1.505.035	61,57	2.118.110	68,08	208.790	8,90	140,73	9,86	37,25
3. Vận tải hành khách	48.464	1,98	1.690	0,05	-		3,49		
4. Hướng dẫn du lịch	2.300	0,09	800	0,03	-		34,78		
5. Dịch vụ ăn uống	-		-		-				
6. Liên doanh, liên kết	-		-		650.000	27,71			
7. Cho thuê môi trường rừng	-		-		-				
8. Phí trông giữ xe bên bãi	570	0,02	-		-				
9. Thu khác	204.835	8,38	91.460	2,94	170.624	7,27	44,65	186,56	91,27
10. Ngân sách cấp bổ sung cho đơn vị tự chủ một phần KP					316.000	13,47			
Tổng	2.444.314	100	3.111.060	100	2.345.914	100	127,28	75,41	97,97

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính, 2014 - 2016.

Bảng 7. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái của VQG Ba Bể

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015		Năm 2016		Tốc độ PTBQ (%)
	Giá trị (1000 đồng)	Giá trị (1000 đồng)	TĐPTLH (%)	Giá trị (1000 đồng)	TĐPTLH (%)	
<i>I. Doanh thu</i>	2.444.314	3.111.060	127,28	2.345.914	75,41	97,97
<i>II. Chi phí</i>	1.876.209	2.044.842	108,99	1.764.485	86,29	96,98
1. Phí tham quan (bán vé)	232.479	274.277	117,98	513.326	187,16	148,60
2. Chi khác	1.643.730	1.770.566	107,72	1.251.159	70,66	87,25
<i>III. Nộp ngân sách</i>	496.318	649.625	130,89	593.144	91,31	109,32
1. Phí tham quan (bán vé)	341.555	449.500	131,60	500.250	111,29	121,02
2. Dịch vụ phòng nghỉ	136.862	192.555	140,69	18.981	9,86	37,24
3. Liên doanh, liên kết				650.000		
4. Thu khác...	17.901	7.569	42,28	8.913	117,76	70,56
<i>IV. Lợi nhuận</i>	71.786	416.592	580,32	(11.715)		

Nguồn: Phòng Kế hoạch - Tài chính, 2014 - 2016.

Bảng 8. Đánh giá mức độ hài lòng của du khách

Đơn vị: %

	Cảnh đẹp	Thăm bản	Lưu trú và ăn uống	Tổ chức du lịch	Ăn uống tổng thể
Rất hài lòng	80	15	11	20	19
Hài lòng	10	29	15	25	40
Tương đối hài lòng	7	42	24	25	21
Bình thường	13	21	28	30	25
Không hài lòng	0	3	30	10	5
Rất không hài lòng	0	0	2	0	0

Nguồn: Số liệu điều tra, 2017.

Dịch vụ thăm bản chủ yếu hấp dẫn đối với du khách quốc tế do họ muốn tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán các dân tộc. Hoạt động tổ chức du lịch ở đây cũng đã làm cho các du khách hài lòng (86%).

3.2.4.2. Đánh giá của khách du lịch về chất lượng dịch vụ du lịch

Đa số khách được phỏng vấn đánh giá thấp ở mức độ tiện nghi của các cơ sở lưu trú (đặc biệt là các nhà khách dân tộc): sự đa dạng, phong phú và chất lượng của các món ăn còn kém. Đây là một trong những nhu cầu thiết yếu đối với bất kỳ du khách nào, cả trong nước và quốc tế.

Bảng 9. Đánh giá của khách du lịch về chất lượng dịch vụ du lịch

TT	Dịch vụ	Đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Vé vào thăm quan	Đắt	13	12
		Bình thường	25	23
		Rẻ	44	40
		Rất rẻ	28	25
2	Nhà khách	Rất tiện nghi	9	8
		Tiện nghi	30	27
		Bình thường	36	34
		Không tiện nghi	17	15
		Rất không tiện nghi	18	16
	Nhà khách dân tộc	Rất tiện nghi	9	8
		Tiện nghi	23	21
		Bình thường	42	38
		Không tiện nghi	14	13
		Rất không tiện nghi	22	20
3	Ăn uống	Rất ngon	15	14
		Ngon	21	19
		Bình thường	46	42
		Không ngon	28	25

TT	Dịch vụ	Đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
4	Dịch vụ hướng dẫn viên du lịch	Rất tốt	11	10
		Tốt	13	12
		Bình thường	41	38
		Chưa tốt	17	15
		Rất không tốt	28	25
5	Giao thông	Thuận tiện	29	26
		Bình thường	22	20
		Không thuận tiện	15	14
		Rất không thuận tiện	44	40

Nguồn: Số liệu điều tra, 2017.

Bảng 9 cho thấy đa số khách du lịch đều cho rằng giá vé vào thăm quan như hiện nay là rẻ (65%). Tuy nhiên, lại có sự khác nhau về ý kiến giữa khách trong nước và khách ngoài nước về sự quan tâm đến phát triển du lịch với vấn đề bảo tồn VQG. Đa số khách du lịch trong nước được phỏng vấn đều cho rằng không hài lòng về vấn đề dịch vụ lưu trú, ăn uống. Trong khi, khách nước ngoài lại quan tâm đến việc ô nhiễm môi trường nước hồ khi chạy bằng thuyền máy. Nhìn chung, khách du lịch trong nước đa phần quan tâm đến nhu cầu trực tiếp, liên quan đến sinh hoạt cá nhân (dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí...), khách du lịch nước ngoài quan tâm nhiều hơn đến vấn đề môi trường, bảo vệ vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên.

4. KẾT LUẬN

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch nhằm phát triển bền vững các VQG, trong đó có VQG Ba Bể. Lợi ích đem lại từ loại hình du lịch này là nâng cao nhận thức về giá trị của các hệ sinh thái, văn hóa bản địa, nâng cao năng lực quản lý và góp phần cải thiện kinh tế địa phương.

Vườn quốc gia Ba Bể là địa điểm có khả năng hấp dẫn khách du lịch lớn và phát triển du lịch sinh thái bởi những lợi thế to lớn: là khu vực có diện tích rừng tự nhiên còn rất lớn, có tỷ lệ độ che phủ cao, có đa dạng loài cao và lưu giữ nhiều vốn gen quý. Đây là nơi lưu giữ nhiều loài động thực vật có ý nghĩa không những của quốc gia mà còn có ý nghĩa đối với khu vực và toàn cầu. VQG Ba Bể có một hồ nước ngọt với phong cảnh thiên nhiên làm say lòng du khách, điều kiện khí hậu thuận lợi cho du lịch bốn mùa. Như vậy, VQG Ba Bể có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái trong tương lai.

Tuy nhiên, hiện nay các nguồn tài nguyên tại vườn chưa được khai thác hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu của loại hình du lịch sinh thái nên đã làm cho kết quả kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái còn nhiều hạn chế (doanh thu giảm, lợi nhuận giảm), cơ sở hạ tầng (dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, đi lại...) chưa đáp ứng được nhu cầu, mong muốn của du khách. Do vậy, trong thời gian tới, để khai thác được nhiều hơn nữa giá trị của Vườn thì cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng của trung ương và địa phương cũng như định hướng phát triển lâu dài của VQG Ba Bể.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hạt kiểm lâm (2016), Báo cáo tình hình động vật, thực vật và thảm thực vật rừng của Vườn quốc gia Ba Bể năm 2016, Vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
2. Phòng Kế hoạch - Tài chính (2014), Báo cáo tài chính của Vườn quốc gia Ba Bể năm 2014, Vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính (2015), Báo cáo tài chính của Vườn quốc gia Ba Bể năm 2015, Vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
4. Phòng Kế hoạch - Tài chính (2016), Báo cáo tài chính của Vườn quốc gia Ba Bể năm 2016, Vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
5. Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ môi trường rừng (2014-2016), Báo cáo tình hình khách du lịch đến thăm quan tại Vườn quốc gia Ba Bể giai đoạn 2014-2016, Vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

ECOLOGICAL TOURISM AT NATIONAL PARK BA BE, BA BE DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

Dang Thi Hoa¹

¹Department of Economics and Business Management,
Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Ecotourism is relatively one of the new forms of tourism in Vietnam. This type of tourism is mainly based on natural resources and local cultural identity. Ba Be National Park is ranked as one of the most 20 beautiful landscapes in Vietnam. Thus, it is great potential for ecotourism development in this area. However, Ba Be National Park is located far from the business center. In addition, the area has poor infrastructure. This is barrier to attract tourists as well as investors. In recent years, facility condition, traffic has improved so Ba Be National Park has started to attract the attention of investors, tourists and scientists. This article aims to provide an estimation of the potential and the development of ecotourism in Ba Be National Park on the aspect of natural resources (vegetation, animals, plants), visitor's evaluation on ecotourism services, and ecotourism business results of Ba Be National Park, Bac Kan province.

Keywords: Tourism, ecology, Ba Be National Park.